

Số: 19 /QĐ-ĐHTĐHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học
đối với các trình độ đào tạo của trường Đại học Thủ đô Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 ngày 3 tháng 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Ngoại ngữ - Tin học, Trường phòng Sau đại học và Đào tạo Quốc tế, Trường phòng Quản lý Đào tạo & Công tác Học sinh - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với các trình độ đào tạo của trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa đào tạo trình độ đại học tuyển sinh sau ngày quyết định có hiệu lực thi hành. Các Quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3: Chánh Văn phòng, Trường phòng Quản lý Đào tạo & Công tác học sinh sinh viên, Trường phòng Sau đại học và Đào tạo Quốc tế, Giám đốc Trung

tâm Khảo thí và Ngoại ngữ - Tin học, Trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường và sinh viên đại học chính quy trường Đại học Thủ đô Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu VT, Trung tâm KT&NN-TH (05 bản).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Bích Hiền



QUY ĐỊNH

**Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học
đối với các trình độ đào tạo của trường Đại học Thủ đô Hà Nội**
(Ban hành theo Quyết định số 19.../QĐ-ĐHTĐHN ngày 12 tháng 1 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

Điều 1. Chuẩn đầu vào ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo trình độ đại học

1. Sau khi trúng tuyển và nhập học để được học các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo người học phải đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 2 đối với ngôn ngữ đăng ký học.

2. Người học được xét đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ trình độ đại học khi có một trong các minh chứng sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên ngành ngoại ngữ.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày làm đơn đề nghị công nhận kết quả chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

d) Kết quả khảo sát năng lực ngoại ngữ do Trường tổ chức đạt trình độ bậc 2 trở lên.

e) Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 2. Chuẩn đầu vào ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo trình độ trình độ thạc sĩ

1. Người dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2. Người dự tuyển được xét đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ trình độ thạc sĩ khi có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu

ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Điều 3. Chuẩn đầu vào ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo trình độ trình độ tiến sĩ

1. Người dự tuyển chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường phải có trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2. Người dự tuyển được xét đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ trình độ tiến sĩ khi có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo trình độ đại học

1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo trình độ đại học

a) Sinh viên ngành ngoại ngữ (ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh, Tiếng Anh thương mại, ngôn ngữ tiếng Trung Quốc...): để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 đối với ngôn ngữ đó và bậc 3 đối với các ngoại ngữ khác tương ứng theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

b) Sinh viên không thuộc ngành ngoại ngữ: để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 đối với Tiếng Anh hoặc với

các ngoại ngữ khác tương ứng theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2. Sinh viên được xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học khi có một trong các minh chứng sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên ngành ngoại ngữ;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- c) Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn (tính đến thời điểm nộp đơn đề nghị công nhận kết quả chuẩn đầu ra Ngoại ngữ) đạt mức chuẩn đầu ra quy định theo ngành học. Danh sách các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế được công nhận và mức quy đổi được quy định tại Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;
- d) Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp còn thời hạn (tính đến thời điểm nộp đơn đề nghị công nhận kết quả chuẩn đầu ra Ngoại ngữ) đạt mức chuẩn đầu ra quy định theo ngành học;

e) Chứng nhận nội bộ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường cấp đạt trình độ bậc 3 trở lên áp dụng đối với các đối tượng sau:

Sinh viên hệ liên thông, văn bằng 2,

Sinh viên ngành ngoại ngữ học ngôn ngữ 2,

Sinh viên học các ngoại ngữ khác, không phải Tiếng Anh.

3. Nhà trường chỉ xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với các chứng chỉ ngoại ngữ của ngôn ngữ có trong chương trình đào tạo quy định theo ngành học.

4. Sinh viên có chứng chỉ tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp còn thời hạn đạt trình độ bậc 2 trở lên hoặc tương đương được miễn học, miễn thi và được công nhận điểm ở học phần Ngoại ngữ không chuyên theo Quy định của Trường. Tuy nhiên, để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, SV vẫn phải đạt trình độ ngoại ngữ thiểu bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định tại khoản 1, 2 của điều này.

5. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 5. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Để được công nhận tốt nghiệp, học viên phải đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2. Học viên được xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ thạc sĩ khi có một trong các minh chứng sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngoại ngữ;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày xét tốt nghiệp.

Điều 6. Chuẩn đầu ra tin học chương trình đào tạo trình độ đại học

1. Sinh viên trình độ đại học không thuộc các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin để được công nhận tốt nghiệp phải đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương.

2. Sinh viên trình độ đại học được xét đạt chuẩn đầu ra tin học khi có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hoặc trung cấp ngành Công nghệ thông tin hoặc ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin (qui định trong thông tư 45/2017/TT-BTTTT) trong nước và quốc tế.

b) Chứng chỉ tin học quốc tế còn thời hạn: IC3, ICDL, IT passport, MOS (cả 3 kỹ năng Word, Excel, Powerpoint) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

c) Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép, trong đó có trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

3. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 7. Quy định chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với các ngành đặc thù và các chương trình nâng cao

1. Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với các ngành đặc thù (nếu có) chương trình đào tạo nâng cao (chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, POHE,...) được qui định cụ thể trong Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra của ngành hoặc của Chương trình nhưng không được thấp hơn quy định đối với các ngành và các chương trình đại trà.

2. Các minh chứng để xét đạt chuẩn đầu vào hoặc chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của các chương trình này phải là các văn bằng, chứng chỉ còn hiệu lực của hệ thống giáo dục quốc dân hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Bích Hiền

PHỤ LỤC
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ
VỚI CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ

(Kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-ĐHTĐHN ngày 12 tháng 1 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

T T	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng		Trình độ/Thang điểm			
				Tương đương Bậc 2	Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4	Tương đương Bậc 5
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT			30-45	46-93	94 - 109
		TOEFL ITP		360 - 449	450-499	500 - 589	590 - 649
		IELTS		3.0-4.0	4.0- 5.0	5.5 -6.5	7.0 - 7.5
		Cambridge Assessment English		A2 Key for Schools/ A2 Fluents/ Linguaskill. Thang điểm: 120-140	B1 Preliminary/ B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179	C1 Advanced /C1 Business Higher/ Linguaskill. Thang điểm: 180-200
		TOEIC	(L&R)	Nghe: 113-274 Đọc: 112-274	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454	Nghe: 490-495 Đọc: 455-495
			(S&W)	Nói: 90-119 Viết: 70-119	Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nói: 160-179 Viết: 150-179	Nói: 180-200 Viết: 180-200
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas		TCF: 200-299 Văn bằng DELF A2 Diplôme de Langue	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue	TCF: 500 -599 Văn bằng DALF C1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut		Goethe- Zertifikat A2	Goethe- Zertifikat B1	Goethe- Zertifikat B2	Goethe- Zertifikat C1
		The German TestDaF language certificate		TestDaF Bậc 2 (TDN 2)	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	TestDaF Bậc 5 (TDN 5)
4	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)		HSK Bậc 2	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	HSK Bậc 5
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)		N5 (>80)	N4	N3	N2
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному			ТРКИ-1	ТРКИ-2	ТРКИ-3

Ghi chú: Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chỉ xét chứng chỉ TOEIC đủ 4 kỹ năng (Nghe, nói, đọc viết)